

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15/02/2022

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Như Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lý Đình Đạt.

Ông Đỗ Văn Long.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Duy Khôi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 15/02/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2021/QĐXX-ST ngày 27/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐ-ST ngày 27/01/2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** anh Nguyễn Văn D, sinh ngày 03/10/1981 (vắng mặt)

HKTT: thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

**Bị đơn:** chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 30/12/1981. (vắng mặt)

HKTT: thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang lao động tại nước ngoài.

Địa chỉ cuối cùng của chị H tại Việt Nam tại: thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai Nguyên đơn là anh Nguyễn Văn D trình bày:*

Trước khi kết hôn hai vợ chồng được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Hai vợ chồng đăng ký kết hôn ngày 27/02/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Giang nơi anh đăng ký hộ khẩu thường trú. Sau khi kết hôn chị H về nhà anh làm dâu ngày, vợ chồng chung sống hòa thuận. Tháng 6/2019 chị H đi lao động tại nước ngoài (ĐL). Sau khi chị H đi lao động hai vợ chồng vẫn thường xuyên gọi điện hỏi thăm nhưng đến tháng 12/2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn vợ chồng nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo hai vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh, chị đều xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Kể từ tháng 12 năm 2019 đến nay anh và chị H không còn gọi điện hỏi thăm sức khỏe của nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Y, sinh ngày 29/8/2004 và cháu Nguyễn Văn L, sinh ngày 17/5/2010. Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng anh. Sau khi ly hôn anh đề nghị được nuôi 02 con chung. Anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung

- Con riêng: không có

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

*Chị Nguyễn Thị H là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.*

Tại biên bản làm việc ngày 12/01/2022 và 26/01/2021 ông Nguyễn Văn C là bố đẻ chị Nguyễn Thị H cho biết chị H hiện nay đang đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài (ĐL). Về quan hệ hôn nhân ông cho biết: anh D, chị H đăng ký kết hôn ngày 27/02/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị H và nhà anh D làm dâu ngay và chung sống hòa thuận. Khoảng tháng 6/2019 chị H đi lao động tại nước ngoài (ĐL). Khi đi lao động chị H đi từ nhà anh D. Từ khi đi lao động tại ĐL đến nay chị H chưa về nước lần nào. Chị H và anh D có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Y, sinh ngày 29/8/2004 và cháu Nguyễn Văn L, sinh ngày 17/5/2010. Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng anh D. Việc anh D có đơn khởi kiện xin ly hôn chị H ông không có ý kiến gì vì đây là việc riêng của anh, chị nên để tự anh, chị giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 12/01/2022 và 26/01/2021 cháu Nguyễn Thị Y là con gái chị Nguyễn Thị H cho biết chị H hiện nay đang đi xuất khẩu lao động tại

nước ngoài (ĐL). Khi đi lao động chị H, anh D vẫn hòa thuận và sinh sống tại thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Giang. Từ khi đi lao động đến nay chị H chưa về nước lần nào. Cháu và chị H (mẹ) vẫn thường xuyên gọi điện cho nhau, chị H thường xuyên gọi về hỏi thăm sức khỏe, tình hình học tập của hai chị em. Anh D, chị H có 02 người con chung là Nguyễn Thị Y, sinh ngày 29/8/2004 và Nguyễn Văn L, sinh ngày 17/5/2010. Hiện nay cháu Y, L đang sinh sống cùng bố. Anh D, chị H có mâu thuẫn từ lâu nhưng cháu không nắm rõ nguyên nhân.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh Nguyễn Văn D vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Nguyễn Văn D; Biên bản làm việc với bố đẻ, con gái của chị Nguyễn Thị H và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn anh Nguyễn Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị Nguyễn Thị H không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chị H. Căn cứ các quy định của pháp luật, HĐXX xét xử vắng mặt chị H là đúng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn anh Nguyễn Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị Nguyễn Thị H không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chị H. Căn cứ các quy định của pháp luật, HĐXX xét xử vắng mặt chị H là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều

228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D.

Xử cho anh Nguyễn Văn D được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Do chị H hiện nay đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Nguyễn Thị Y, sinh ngày 29/8/2004 và Nguyễn Văn L, sinh ngày 17/5/2010 cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Anh D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh D không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn D là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn D.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bố đẻ và con gái của chị Nguyễn Thị H là ông Nguyễn Văn C và cháu Nguyễn Thị Y để giao thông báo thụ lý vụ án và đề nghị ông C, cháu Y thông báo cho chị H biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ giải quyết vụ án tranh chấp “Hôn nhân gia đình” giữa anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị H. Ông C, cháu Y cho biết chị H vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng chị H không cung cấp cho ông và cháu Y, Tòa án địa chỉ cụ thể của chị H tại nước ngoài (ĐL). Vì vậy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Theo Công văn trả lời số 847/QLXNC – P5 v/v cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 10/01/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an xác định chị H xuất cảnh gần đây nhất ngày 11/6/2019 hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, chị H được xác định là đang ở nước ngoài. Ngoài ra lời

khai của nguyên đơn, bố đẻ, con gái của bị đơn đều xác định nơi cư trú cuối cùng của chị H ở Việt Nam trước khi xuất cảnh lần gần nhất là thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Giang. Anh D, chị H đều có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ Hôn nhân: Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn D với chị Nguyễn Thị H. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh D và chị H chung sống với nhau hòa thuận, tháng 6/2019 chị H đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài (ĐL). Sau khi đi một thời gian thì mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên từ tháng 12/2019 đến nay vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh và chị H được ly hôn. Do đó, cần xác định vợ chồng anh D, chị H không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần xử cho anh D và chị H được ly hôn nhau là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Anh D, chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Y, sinh ngày 29/8/2004 và cháu Nguyễn Văn L, sinh ngày 17/5/2010. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng anh D và do anh D chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn anh D có nguyện vọng nuôi con chung.

Xét yêu cầu nuôi con chung của anh D: Hội đồng xét xử thấy hiện nay chị H đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị H từ khi đi nước ngoài thì 02 con chung vẫn do anh D là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, các cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, được đi học đầy đủ. Mặt khác cháu Y, L trên 07 tuổi có nguyện vọng được ở cùng bố. Nên căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của anh D đề nghị được nuôi con chung sau khi ly hôn. Giao cho anh D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cháu Nguyễn Thị Y, sinh ngày 29/8/2004 và cháu Nguyễn Văn L, sinh ngày 17/5/2010 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của

con chung. Sau khi ly hôn chị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp chị Nguyễn Thị H về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[6] Về tài sản, công nợ: Do anh D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Anh Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn D được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Y, sinh ngày 29/8/2004 và cháu Nguyễn Văn L, sinh ngày 17/5/2010 cho anh Nguyễn Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị H người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000258 ngày 27/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Nguyễn Văn D đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Nguyễn Văn D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Nguyễn Thị H hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Đ, huyện N;
- Cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Như Hiền**